

Số: /TB - UBND

Ngọc Phụng, ngày tháng năm 2023.

THÔNG BÁO
Công khai Quy hoạch chung xây dựng xã Ngọc Phụng,
huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030

Căn cứ Quyết định Số: 2600 /QĐ-UBND Ngày 27/12/2022 của UBND huyện Thường Xuân, Về việc Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

Căn cứ Hệ thống bản đồ quy hoạch tỷ lệ 1/500, được các cấp, các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

UBND xã thông báo công khai Quy hoạch chung xây dựng xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, với nội dung cơ bản như sau:

I. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật . a. Các chỉ tiêu về đất đai

Đất ở : $25m^2$ / người.

Đất công trình công cộng và dịch vụ : $5m^2$ /người.

Đất cây xanh công cộng: $2m^2$ /người.

Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật : $5m^2$ /người. - Trạm Y tế ≥ 1 trạm/ 5.000người;

Sân luyện tập $\geq 0,5m^2$ /người;

Chợ hoặc siêu thị ≥ 01 công trình; b. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật

Tiêu chuẩn dùng điện: 150 w/ người và 100% số hộ dân dùng điện.

Tiêu chuẩn dùng nước: 60-80l/ngày đêm và 100% hộ dân cư được dùng nước hợp vệ sinh.

Nước cấp cho sản xuất TTCN tại hộ gia đình $\geq 8\%$ lượn nước cấp cho sinh hoạt;

Thu gom xử lý nước thải: $\geq 80 \%$.

Thu gom xử lý chất thải: 80 %.

***. Dự báo quy mô đất xây dựng xã đến 2030**

Tổng diện tích tự nhiên toàn xã 18.869,9 ha. Trong đó: Diện tích đất nông nghiệp là 4.548,87ha, chiếm 89,67% tổng diện tích tự nhiên; đất xây dựng 444,54 ha chiếm 8,76%; đất khác 9,26 ha chiếm 0,18%.

Dự báo quy mô đất xây dựng toàn xã đến năm 2030: khoảng 445ha.

II. Định hướng phát triển không gian tổng thể xã

1. Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn, bản.

a/ Vị trí, quy mô:

Khu vực trung tâm xã được quy hoạch ổn định tại vị trí thôn Xuân Thắng như hiện nay được định hướng cụ thể như sau:

- Công sở xã ổn định vị trí nhưng cần được cải tạo, chỉnh trang khuôn viên, nâng cấp trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu làm việc, nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo quản lý nhà nước trên địa bàn xã.

Diện tích khu đất 0,55 ha

- Khu trung tâm Văn hóa thể thao xã được quy hoạch xây dựng mới tại khu trung tâm xã, hướng về hồ Sậy, đảm bảo quy mô để xây dựng các hạng mục công trình: Sân thể thao, nhà thi đấu đa năng, khu vui chơi giải trí...

Diện tích khu đất 2,00 ha

Đối với các thôn: tùy theo điều kiện đất đai, mỗi thôn quy hoạch 1 khu trung tâm văn hóa thể thao thôn diện tích đất 0,2ha - 0,5ha. Nhà văn hóa thôn cần phải được nâng cấp trang thiết bị ... đảm bảo phục vụ sinh hoạt cộng đồng dân cư thôn.

- Đài Tưởng niệm: vị trí giáp công sở xã

Diện tích khu đất 0,10ha.

- Trạm y tế xã: đang đầu tư xây dựng tại vị trí mới giáp đài Tưởng niệm.

Diện tích khu đất 0,20ha.

- Đất Quân sự: Quy hoạch xây dựng mới trụ sở Công an, BCH quân sự trên trục trung tâm xã tiếp giáp với trạm y tế đang xây dựng hiện nay.

Diện tích khu đất 0,50 ha.

Quy hoạch khu quân sự phục vụ huấn luyện, bãi tập bắn tại thôn quyết tiến. Do huyện quản lý. DT khu đất 15,00ha.

- Hệ thống Giáo dục: Các trường học đều phải được cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp hướng tới đạt chuẩn theo quy định của ngành. Đối với Trường tiểu học 1 và Trường mầm non được mở rộng, chỉnh trang, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng theo yêu cầu của ngành;

+ Mở rộng khu trường tiểu học 1 thêm 0,20 ha về phía sau thuộc đất RSX.

+ Trường Mầm non 0,10 ha vào đất đài tưởng niệm (chuyển đài tưởng niệm về khu trung tâm).

Tổng diện tích đất Giáo dục 2,78ha

Các công trình công cộng, trụ sở cơ quan xây dựng cần được chỉnh trang, cải tạo, diện tích để tạo bộ mặt kiến trúc công trình hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và hết sức tiết kiệm đất, dành đất cho xây dựng các khu chức năng khác theo nhu cầu phát triển sau này, tăng tỷ lệ vườn hoa, cây xanh, trong khuôn viên...và chấp hành chỉ giới hành lang an toàn đường bộ theo quy định trong khu vực.

Các công trình xây dựng phải đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu vào năm 2025.

b/ Định hướng Kiến trúc:

Định hướng Kiến trúc công trình công cộng, dịch vụ: Phải phù hợp với yêu cầu hoạt động đa dạng của cộng đồng dân cư.

Hình thức kiến trúc phong phú và hài hoà với không gian chung. Một số công trình như nhà văn hoá, công sở xã, khu TDTT,... không những phải thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt ngày càng cao mà cũng phải thể hiện kiến trúc đậm đà sắc thái tiêu biểu của địa phương.

2. Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc cho từng loại đất ở khu dân cư mới và cải tạo thôn cũ.

a. Các chỉ tiêu:

Tổng diện tích đất ở tại nông thôn là: 236,24ha, trong đó:

- Đất ở hiện trạng là 229,63;

Cơ bản giữ nguyên dân cư hiện trạng, một số công trình phải bố cục, sắp xếp quy hoạch lại nhằm nâng cấp cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nâng cao dân chất lượng sống cho các khu dân cư này, đáp ứng với yêu cầu của thôn theo tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu năm 2025. Một số ít hộ nằm trong giải phóng mặt bằng nhằm phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các điểm có nguy cơ sạt lở..... được bố trí tái định cư tại các khu vực đất phát triển mới.

- Khu dân cư phát triển mới: quy hoạch các khu dân cư mới đáp ứng cho tái định cư giải phóng mặt bằng và nhu cầu phát triển.

Diện tích khoảng : 6,61ha.

b. Hình thức kiến trúc các công trình nhà ở

Hình thức kiến trúc các công trình xây dựng nhà ở phải hài hòa với tổng thể không gian chung toàn khu, chú ý khai thác yếu tố kiến trúc mang sắc thái địa phương; Khuyến khích thiết kế hài hoà với sân vườn và cảnh quan thiên nhiên và điều kiện khí hậu.

Hàng rào công trình: Cao tối đa không quá 1.5m, không xây kín, yêu cầu thiết kế thoáng, khuyến khích sử dụng cây xanh để làm hàng rào.

Vật liệu xây dựng của các công trình: Phù hợp với công năng sử dụng, khuyến khích sử dụng vật liệu sẵn có tại địa phương, vật liệu trang trí bề mặt công trình phải hài hòa với tổng thể không gian chung;

3. quy hoạch khu Di tích lịch sử và không gian du lịch sinh thái và tín ngưỡng.

3.1 Khu di tích Lịch sử - Văn hóa Lũng Nhai.

UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa Địa điểm Hội thề Lũng Nhai và các di tích liên quan gắn với phát triển du lịch tại xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân, bao gồm: Khu vực Hội thề Lũng Nhai – Khu mộ nghĩa quân Lam Sơn – Miếu Phụng Dường.

Thuộc khu vực núi Pù Me thôn thôn Xuân Thành, xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân.

Khu di tích Lịch sử - Văn hóa cấp tỉnh gắn liền với các điểm tham quan du lịch quan trọng của tỉnh Thanh Hóa.

Việc quy hoạch nhằm bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa địa điểm Hội thề Lũng Nhai và văn hóa địa phương; Khai thác có hiệu quả các tiềm năng du lịch phong phú góp phần gìn giữ, phát huy giá trị các di tích, danh thắng, các yếu tố văn hóa lâu đời tại khu vực lập quy hoạch. Đồng thời tạo điểm đến du lịch, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân.

Quy mô diện tích khu Di tích 73,43 ha.

3.2 Không gian cảnh quan - Công viên Hồ Sậy:

Quy hoạch công viên Hồ Sậy: Hồ Sậy có mặt nước tương đối ổn định cùng với cảnh quan xung quanh, khu trung tâm xã, công trình văn hóa thể thao ... được cải tạo xây dựng thành quần thể cảnh quan hồ công viên phục vụ vui chơi giải trí cho nhân dân trong xã và khu vực lân cận.

Diện tích khoảng 12 ha

3.3 Đất tôn giáo:

Giữ nguyên trạng đất tôn giáo tại thôn Hưng Long diện tích 0.18 ha.

4. Tổ chức các khu vực sản xuất:

Phát huy lợi thế và tiềm năng, nằm trên Quốc lộ thông thương với nước bạn Lào phát triển hạ tầng thu hút các doanh nghiệp đầu tư sản xuất TTCN, làng nghề phát triển giao thương, hoạt động dịch vụ thương mại;

a. Phát triển dịch vụ thương mại:

- Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn tại thôn Hòa Lâm. Quy mô 1,0 ha.

- Quy hoạch xây dựng siêu thị, chợ Ngọc phụng đạt chuẩn chợ hạng 3.

Diện tích khu đất 0,70 ha

- Quy hoạch trạm xăng dầu tại thôn Quyết Tiến.

Quy mô 0,25 ha.

Tại mỗi gia đình, có thể tổ chức sản xuất các ngành nghề truyền thống như: Dệt thổ cẩm, đan lát, chế tác các vật dụng bằng tre, luồng..... quy mô nhỏ, phù hợp, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Đây được xem như là một sản phẩm du lịch cộng đồng.

b. Sản xuất CN-TTCN: Trên cơ sở các khu sản xuất kinh doanh hiện có được cải tạo, chỉnh trang phù hợp với hạ tầng kỹ thuật, bổ sung môi, mở rộng:

- Quy hoạch khu TTCN – Làng nghề tại thôn Hòa Lâm . Quy mô 4,0 ha.

- Khu chế biến gỗ . DT 0,92 ha.

- Quy hoạch khu mỏ đất tại thôn Hòa Lâm thuộc đất rừng SX phục vụ san lấp mặt bằng cho các dự án trên địa bàn xã. Quy mô 5,7 ha.

- Quy hoạch mở rộng nhà máy may thuộc thôn phú vinh. Quy mô lên 1,50 ha.

Tổng DT đất CN-TTCN: 16,39ha.

c. Phát triển nông nghiệp:

Ngoài việc đẩy mạnh sản xuất Nông nghiệp, lâm nghiệp theo hướng ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất; Phát triển chăn nuôi đại gia súc trong nhân dân, khuyến khích phát triển trang trại, gia trại quy mô vừa và nhỏ, Tận dụng mặt nước ao hồ để nuôi thả cá.

Từ nay đến 2025 xây dựng 5 trang trại. Các trang trại chủ yếu phát triển trang trại trồng cây ăn quả, rau sạch hình thức sản xuất công nghệ cao và chăn nuôi. Quy mô khoảng 67 ha.

Từ nay đến 2030 Quy hoạch khu NN công nghệ cao là 120 ha.

5. Các khu vực có khả năng phát triển,

Các khu đất cao, không bị ngập lụt, các khu vực đất xen kẹt hiện có trong các khu dân cư hiện trạng. Đặc biệt khu vực trung tâm xã và dọc 2 bên đường QL47, nhằm phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất. Các khu vực đất trồng màu, đất lúa 1 vụ năng suất thấp, bấp bênh.

5.1. Các khu vực hạn chế phát triển; Các khu vực cấm xây dựng; khu đặc thù;

Gồm các khu vực thuộc đất quân sự, hành lang mở rộng các tuyến giao thông và hạ tầng kỹ thuật; Hành lang thoát lũ, các khu vực ven suối. Hạn chế tối thiểu việc phát triển, xây dựng các công trình trên đất lúa 2 vụ.

Đối với các khu vực này, tất cả các công trình dự kiến đầu tư xây dựng đều phải lập hồ sơ xin phép các cấp chính quyền theo quy định của Pháp luật.

5.2. Các công trình đầu mối, kết nối hạ tầng.

- Bãi rác – chất thải rắn:

Trên địa bàn quy hoạch 1 khu tập kết rác + Bãi chất thải rắn tại cuối thôn Quyết Tiến quy mô 2ha và vận chuyển về khu xử lý theo quy hoạch của huyện.

- Nghĩa trang: Giai đoạn 2021-2025 ổn định các vị trí nghĩa trang hiện có tại các thôn trong xã. Giai đoạn 2026-2030 bổ sung mở rộng quy hoạch 1 nghĩa trang chung tại thôn Quyết Tiến. Quy mô khoảng 3ha.

Các nghĩa trang được trồng cây xanh cách li và khoảng cách đến các khu dân cư tối thiểu 500m. Khuyến khích thực hiện hình thức hỏa táng. Đóng các nghĩa trang nhỏ lẻ còn lại, cải tạo trồng cây xanh, bảo đảm vệ sinh môi trường khu vực.

6. Quy hoạch sử dụng đất - phân khu chức năng

6.1. Hệ thống trung tâm xã;

Khu vực trung tâm xã được quy hoạch ổn định tại vị trí thôn Xuân Thắng như hiện nay được định hướng cụ thể như sau:

- Công sở xã ổn định vị trí nhưng cần được cải tạo, chỉnh trang khuôn viên, nâng cấp trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu làm việc, nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo quản lý nhà nước trên địa bàn xã.

Diện tích khu đất 0,42 ha

Mật độ xây dựng tối đa 40%; Tầng cao từ 1- 3 tầng; Hệ số sử dụng đất 1,8 lần.

- Khu trung tâm Văn hóa thể thao xã quy hoạch, xây dựng mới đảm bảo quy mô diện tích đất để xây dựng các hạng mục công trình : Sân thể thao, nhà thi đấu đa năng, khu vui chơi giải trí...

Diện tích khu đất 2,00 ha. Mật độ xây dựng tối đa 15%; Tầng cao từ 1-2 tầng; Hệ số sử dụng đất 1,2 lần.

- Hồ Sậy có mặt nước khoảng 12 ha tương đối ổn định cùng với cảnh quan xung quanh , khu trung tâm xã, công trình văn hóa thể thao ... được cải tạo xây dựng thành quần thể cảnh quan hồ công viên phục vụ vui chơi giải trí cho nhân dân trong xã và khu vực lân cận.

Đối với các thôn: tùy theo điều kiện đất đai, mỗi thôn bản quy hoạch 1 khu trung tâm văn hóa thể thao thôn diện tích đất 0,2ha - 0,5ha . Mật độ xây dựng tối đa 15%; Tầng cao từ 1- 2tầng; Hệ số sử dụng đất 1,2 lần.

Đối với khu nhà văn hóa thôn mật độ xây dựng tối đa 60%; Tầng cao từ 1- 2tầng; Hệ số sử dụng đất 1,2 lần.

Tổng diện tích đất trung tâm văn hóa thể thao của 7 thôn khoảng 4,56 ha.

- Đài Tưởng niệm: vị trí giáp công sở xã

Diện tích khu đất 0,10ha.

- Trạm y tế xã: đang đầu tư xây dựng tại vị trí mới khu trung tâm giáp đài tưởng niệm.

Diện tích khu đất 0,20ha. Mật độ xây dựng tối đa 40%; Tầng cao từ 1-3 tầng; Hệ số sử dụng đất 1,2 lần.

- Đất Quân sự: Quy hoạch xây dựng mới trụ sở Công an, Quân sự trên trục trung tâm xã tiếp giáp với trạm y tế hiện nay.

Diện tích khu đất 0,5 ha. Mật độ xây dựng tối đa 40%; Tầng cao từ 1-3 tầng; Hệ số sử dụng đất 1,8 lần.

Quy hoạch khu quân sự phục vụ huấn luyện, bãi tập tại thôn quyết tiến. Do huyện quản lý. DT khu đất 15.00ha.

- Hệ thống Giáo dục: Các trường học đều phải được cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp hướng tới đạt chuẩn theo quy định của ngành. Đối với Trường tiểu học 1 và Trường mầm non được mở rộng, chỉnh trang, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng theo yêu cầu của ngành;

+ Mở rộng khu trường tiểu học 1 thêm 0.20 ha về phía sau thuộc đất RSX.

+ Trường Mầm non 0,10 ha vào đất đài tưởng niệm (chuyển đài tưởng niệm về khu trung tâm).

Tổng diện tích đất Giáo dục 2,78 ha. Mật độ xây dựng tối đa 40%; Tầng cao từ 1-3 tầng; Hệ số sử dụng đất 1,2 lần.

Các công trình công cộng, trụ sở cơ quan xây dựng cần được chỉnh trang, cải tạo, diện tích để tạo bộ mặt kiến trúc công trình hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và hết sức tiết kiệm đất, dành đất cho xây dựng các khu chức năng khác theo nhu cầu phát triển sau này, tăng tỷ lệ vườn hoa, cây xanh, trong khuôn viên...và chấp hành chỉ giới hành lang an toàn đường bộ theo quy định trong khu vực.

Các công trình xây dựng phải đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu trước năm 2025.

6.2. Hệ thống thôn, các khu dân cư tập trung;

Đến năm 2025, ổn định cơ cấu xã Ngọc Phụng với 7 thôn như hiện nay .

Cải tạo chỉnh trang và xây dựng mới khu văn hóa, thể thao tại 7 thôn bao gồm nhà văn hóa, khu thể thao đảm bảo tiêu chí NTM kiểu mẫu.

Tổng diện tích đất ở là: 242,49ha, trong đó:

- Đất ở hiện trạng là 233,79;

Cơ bản giữ nguyên dân cư hiện trạng, một số công trình phải bố cục, sắp xếp quy hoạch lại nhằm nâng cấp cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nâng cao dân chất lượng sống cho các khu dân cư này, đáp ứng với yêu cầu của thôn theo tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu vào năm 2025. Một số ít hộ nằm trong giải phóng mặt bằng nhằm phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các điểm có nguy cơ sạt lở..... được bố trí tái định cư tại các khu vực đất phát triển mới.

- Khu dân cư phát triển mới: Quy hoạch các khu dân cư phục vụ tái định cư và cho nhu cầu phát triển.

Diện tích khoảng : 8,7ha, 15 vị trí trên các trục đường thộc đất RSX, đất lúa năng suất thấp, xen kẽ trong khu dân cư.

Mật độ xây dựng tối đa 80%; Tầng cao từ 2-5 tầng; Hệ số sử dụng đất 4,0 lần.

6.3. Tổ chức các khu vực sản xuất:

a. Phát triển dịch vụ, thương mại:

- Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn tại thôn Hòa Lâm. Quy mô 1,0 ha.

- Quy hoạch xây dựng siêu thị, chợ Ngọc phụng đạt chuẩn chợ hạng 3.

Diện tích khu đất 0,70 ha . Mật độ xây dựng tối đa 60% Tầng cao từ 1-3 tầng; Hệ số sử dụng đất 1,8 lần.

- Quy hoạch trạm xăng dầu tại thôn Quyết tiến.

Quy mô 0,25 ha. Mật độ xây dựng tối đa 20% Tầng cao từ 1-3 tầng; Hệ số sử dụng đất 1,2 lần.

b. Sản xuất CN-TTCN: Trên cơ sở các khu sản xuất kinh doanh hiện có được cải tạo, chỉnh trang phù hợp với hạ tầng kỹ thuật, bổ sung mới, mở rộng:

- Quy hoạch khu TTCN - Làng nghề tại thôn Hòa Lâm. Quy mô 4,0 ha.

- Khu chế biến gỗ. DT 0,92 ha.

- Quy hoạch mở rộng nhà máy may thuộc thôn phú vinh. Quy mô lên 1,50ha.

- Quy hoạch khu mở đất tại thôn Hòa Lâm thu hồi đất rừng SX phục vụ san lấp mặt bằng cho các dự án trên địa bàn xã. Quy mô 5,7 ha.

Tổng DT đất CN-TTCN: 16,39ha.

c) Phát triển nông nghiệp:

Từ nay đến 2025 xây dựng 5 trang trại. Các trang trại chủ yếu phát triển trang trại trồng cây ăn quả, rau sạch hình thức sản xuất công nghệ cao và chăn nuôi.

Quy mô khoảng 67 ha.

Đến năm 2030 quy hoạch khu sản xuất nông nghiệp CNC là 120 ha.

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Thông tư số: 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn)

STT	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (ha)		Ghi chú
		Hiện	Quy	

		trạng	hoạch	
1	2	3	4	5
*	Tổng diện tích đất QH	1.682,11	1.682,11	
1	Đất nông nghiệp	1.269,82	1.149,16	
1.1	Đất trồng lúa	262,32	247,34	đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa nước, đất trồng lúa nước còn lại, đất trồng lúa nương,
1.2	Đất trồng trọt khác	249,84	201,06	Đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm khác, đất bằng trồng cây hàng năm khác, đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác.
1.3	Đất rừng phòng hộ	381,30	345,30	Đất rừng phòng hộ
1.4	Đất rừng sản xuất	371,35	350,45	Đất rừng sản xuất
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	5,01	5,01	Nuôi trồng thủy sản
1.6	Đất nông nghiệp khác	0	0	
2	Đất xây dựng	351,79	480,45	
2.1	Đất ở	233,79	242,49	Đất ở tại nông thôn
2.2	Đất công cộng	7,00	6,03	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng cơ sở y tế, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (chỉ tính đất các công trình phục vụ cấp xã); đất xây dựng cơ sở văn hóa (không bao gồm các công trình kinh doanh văn hóa) đất sinh hoạt cộng đồng; đất chợ, điểm bưu điện – văn hóa xã
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	2,06	5,08	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao (chỉ tính đất xây dựng các công trình phục vụ cấp xã); đất vui chơi, giải trí công cộng (trừ bãi tắm)
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di	2,30	85,61	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, đất danh lam thắng cảnh;

	tích, đình đền			đất cơ sở tôn giáo; đất cơ sở tín ngưỡng
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	6,61	16,39	đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm
2.6	Đất hạ tầng kỹ thuật	71,69	81,02	
2.6.1	<i>Đất giao thông</i>	64,72	71,05	
	<i>Đất bãi thải, bãi rác</i>			
2.6.2	<i>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</i>	6,92	9,92	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, hỏa táng</i>
2.6.3	<i>Đất hạ tầng kỹ thuật khác</i>	0,05	0,05	<i>Đất công trình năng lượng, đất công trình bưu chính, viễn thông (trừ điểm bưu điện – văn hóa xã,) các công trình đầu mối phục vụ đời sống của người dân nông thôn như: cấp điện, cấp nước, thoát nước</i>
2.7	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	28,34	28,34	Đất thủy lợi; đất phi nông nghiệp khác (kho, trạm, trại...)
2.8	Đất khoáng sản		0	
2.9	Đất quốc phòng, an ninh	0	15,50	
3	Đất khác	60,50	52,50	
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	58,53	50,53	Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối, đất có mặt nước chuyên dùng, đất có mặt nước ven biển
3.2	Đất chưa sử dụng	1,97	1,97	Đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng, núi đá không có rừng cây

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch giao thông:

Giải pháp thiết kế hệ thống giao thông trên địa bàn xã Ngọc Phụng như sau:

a. Giao thông đối ngoại:

Ngọc phụng nằm trong vùng phát triển đô thị kết nối giao thông trực tiếp với thị trấn Thường Xuân. (QL47 theo quy hoạch vùng huyện trong tương lai được xây dựng đường tránh về phía Đông và nhập lại cuối xã tại thôn Quyết Tiến).

- Quốc lộ 47: Đoạn qua địa bàn xã dài khoảng 7 km được quản lý với quy

mô quy hoạch đường cấp III-IV, 2-4 làn xe.

- *Đường Huyện (tránh QL47)*: Đoạn qua địa bàn xã dài khoảng 4,5 km được quản lý với quy mô đường cấp III, cụ thể :

Mặt cắt 1-1: Chiều rộng mặt đường $B_m=7,0m$ (2 làn xe); chiều rộng lề và lề gia cố đường $B_{lgc}=2 \times 2,5=5,0m$ (trong đó lề gia cố rộng $2 \times 2m$ đồng nhất kết cấu áo đường).

b. Giao thông nội bộ:

1. *Đường xã* : Gồm 8 tuyến (ký hiệu X1 – X8) Tổng chiều dài 10,65 km, cụ thể như sau:

Mặt cắt 2-2: vỉa hè 3m - Mặt đường 5,5m – vỉa hè 3,0m. chỉ giới đường đỏ 11,5m.

2. *Đường thôn* : Tổng chiều dài 22,3km

Mặt cắt 3-3: vỉa hè 1,5-3m - Mặt đường 3,5m – vỉa hè 1,5-3,0m. chỉ giới đường đỏ 9,5m.

3. *Đường nội đồng* (tuyến chính): Tổng chiều dài 24,5km

Mặt cắt: Mặt đường 3,5 m; lề đường mỗi bên 1m-1,5m

- Kết cấu mặt đường:

Các tuyến đường sẽ được bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Cụ thể được lựa chọn đối với từng dự án cụ thể.

Diện tích đất giao thông: 71,05ha

7.2 Thủy lợi:

- Hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng được yêu cầu sản xuất và dân sinh. Các công trình hồ đập: Hồ Sậy, hồ Hón Kín, hồ Hưng Long, hồ Xuân thành và hệ thống kênh Bắc , hệ thống kênh mương hiện có đảm bảo phục vụ tưới ổn định cho trên địa bàn toàn xã.

- Để đảm bảo việc cung cấp nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất ổn định lâu dài trên địa bàn phải thường xuyên nạo vét, bảo trì bảo dưỡng , gia cố an toàn mùa mưa bão và ổn định quy mô trữ lượng dung tích hồ đập theo thiết kế, bảo vệ nguồn nước, môi trường trong lành. Hoàn thành kiên cố hóa 15,91 km kênh mương, đảm bảo cung cấp nước vào mùa khô hanh phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

7.3. Quy hoạch san nền thoát nước.

a. Giải pháp san nền:

- Đảm bảo khớp nối các khu vực có liên quan, đáp ứng nhu cầu xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xây dựng công trình.

- Đảm bảo kết nối giao thông đi lại thuận tiện, an toàn;

- Thuận lợi cho việc thoát nước nhanh và không gây xói lở nền đường nền công trình; Không gây ngập úng cục bộ cho các khu vực lân cận;

- Tận dụng địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đất san lấp và ít tác động nhất đến cảnh quan thiên nhiên.

- San nền cục bộ trong từng lô chức năng, hướng dốc nền ra các tuyến

đường giao thông quy hoạch; Độ dốc san nền tối thiểu 0,4% đảm bảo cho nước mặt tự chảy.

- Các tuyến đường quy hoạch mới sẽ có cao độ phù hợp với cao độ hiện trạng các tuyến đường hiện có.

b. Thoát nước mưa:

- Trên cơ sở rà soát hệ thống thoát nước của khu vực; tận dụng tối đa các công trình thoát nước hiện có.

- Bổ sung mạng lưới mương hở, mương nắp đan chạy dọc theo hệ thống đường giao thông thu nước từ các sườn đồi, sườn dốc và nền của các công trình thoát ra cống ngang đường được đặt tại các vệt tụ thủy sau đó thoát ra hệ thống khe, suối nhỏ hiện có rồi được thoát về các khe suối trong khu vực.

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế đảm bảo 100% nước mặt được thoát hết; Không để xảy ra hiện tượng ngập lụt cục bộ trong khu vực lập quy hoạch và khu vực lân cận.

- Mạng lưới thoát nước được bố trí phân tán để giảm tiết diện cống, giảm chiều sâu chôn cống.

- Hệ thống thoát nước dùng hệ thống rãnh nắp đan và mương hở có kích thước từ B400 - B1000.

- Một số cống đặt tại vị trí cống ngang đường sử dụng cống hộp có kích thước từ B1000 - B2000.

7.4. Quy hoạch cấp nước.

a. Dự báo nhu cầu cấp nước Tổng mức nhu cầu cấp nước toàn xã 661,2(m³/ngđ)

b. Định hướng hệ thống cấp nước.

Trên cơ sở hiện trạng, đối với Ngọc Phụng sử dụng nguồn nước mặt từ các hồ đập và nước ngầm, hệ thống thủy lợi hồ Cửa Đạt được sử lý để cấp nước cho sinh hoạt cho từng thôn và sản xuất.

Dự kiến cấp nước sinh hoạt tập trung được lấy từ nhà máy nước thị trấn Thường Xuân công suất 10.000m³/ng.d

Khu sản xuất VLXD, làng nghề được cấp theo dự án riêng.

7.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

a. Thoát nước thải:

** Đối tượng thoát nước thải*

- Nước thải sinh hoạt.

- Nước thải từ các nhà hàng, dịch vụ, công trình nhà hàng khách sạn... phục vụ du lịch và các hoạt động khác, các cơ sở sản xuất kinh doanh.

** Phương án thiết kế*

- Đặc điểm của nước thải sinh hoạt gồm 2 loại:

- + Nước thải nhiễm bẩn do chất bài tiết của con người từ các phòng vệ sinh.

+ Nước thải nhiễm bẩn do các chất thải sinh hoạt: Cặn bã, dầu mỡ từ nhà bếp, các chất tẩy rửa, các chất hoạt động bề mặt từ các phòng tắm, nước rửa vệ sinh sàn nhà.

- Đầu tư xây dựng các bể tự hoại đạt tiêu chuẩn quy định, nước thải được xả ra môi trường sau khi đã được xử lý hợp vệ sinh qua bể tự hoại và thoát ra hệ thống thoát nước mưa.

- Đối với khu vực đất dịch vụ thương mại và cơ sở kinh doanh sản xuất phải xây dựng trạm xử lý nước thải riêng biệt. Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn được thải ra hệ thống thoát nước mưa, hoặc tận dụng tưới cây,.....

b. Chất thải rắn và vệ sinh môi trường.

- Chất thải rắn từ các hộ gia đình và các khu công cộng được thu gom vào các thùng rác công cộng đặt dọc theo các tuyến đường giao thông hoặc người dân sẽ tự vận chuyển rác đến khu vực gom rác để tập kết. Xe chuyên dụng sẽ chạy theo lịch trình và thu gom chất thải rắn và rác xử lý từ các thùng rác này vận chuyển đến bãi chôn lấp và xử lý rác tập trung theo quy hoạch của huyện Thường Xuân.

- Kích thước các thùng rác công cộng có kích thước từ 60 lít đến 660 lít, đặt dọc theo các trục giao thông hoặc các khu vực công cộng với khoảng cách giữa các thùng từ 50 - 100m.

c. Hành lang bảo vệ nguồn nước sông, suối:

Rừng phòng hộ đầu nguồn tuyệt đối phải được bảo vệ nghiêm ngặt, cấm chặt phá rừng, và phòng cháy đúng quy định. Đối với các khu sản xuất kinh doanh có chất thải rắn, nước thải phải được xử lý trong hàng rào đảm bảo an toàn theo quy định trước khi xả vào môi trường. Đối với khu dân cư, nước thải sinh hoạt phải đầu tư xây dựng các bể tự hoại đạt tiêu chuẩn quy định, nước thải được xả ra môi trường sau khi đã được xử lý hợp vệ sinh qua bể tự hoại và thoát ra hệ thống thoát nước mưa.

- Các hoạt động về môi trường và phòng chống thiên tai.

Trên địa bàn xã không xảy ra các hoạt động gây suy giảm môi trường, Các hoạt động phát triển phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp được tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân. Các thôn đều chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường. Vì vậy trong nhiều năm qua Ngọc Phụng không xảy ra các tai biến về môi trường, an toàn trong sản xuất và đời sống.

7.6. Quy hoạch hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

a. Nguyên tắc thiết kế:

- Xây dựng các tuyến cáp trung thế và các công trình cấp điện cho khu vực xây dựng mới phù hợp mạng lưới các tuyến trung thế đã xây dựng và định hướng quy hoạch của ngành điện.

b. Chỉ tiêu cấp điện:

- Nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt đạt tối thiểu: 150W/người.

* Dự báo nhu cầu phụ tải

Tổng nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt của toàn xã Ngọc Phụng: 1.789,4KVA.

- Nguồn cung cấp điện: Nguồn điện cấp cho xã được cấp từ đường điện

trung áp 35Kv hiện có.

- Lưới điện trung áp: Các tuyến điện trung áp 35KV đã được xây dựng ổn định theo quy hoạch ngành điện.

- *Trạm biến áp: Hiện tại nguồn điện cung cấp cho xã Ngọc Phụng có 11 trạm biến áp phục vụ sinh hoạt. Tổng công suất 1.885KVA*

- Theo tính toán hệ thống điện trên địa hiện nay phù hợp và đáp ứng phục vụ điện sinh hoạt và sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã.

STT	TÊN TRẠM BIẾN ÁP	CÔNG SUẤT HIỆN TRẠNG (KVA)
1	Quyết Tiến	100
2	Xuân Thành	180
3	Xuân Lập	160
4	Xuân Lập	250
5	Xuân Thắng	250
6	Hòa Lâm	320
7	Hòa Lâm	100
8	Hòa Lâm	250
9	Hưng Long	100
10	Xuân Liên cũ	75
11	Phú Vinh	100
*	Tổng công suất	1.885

c. Điện chiếu sáng: xây dựng hệ thống chiếu sáng đến các ngõ xóm, thôn.

- Điện cấp cho khu CN - làng nghề được lắp đặt tính toán do chủ đầu tư.

7.7. Quy hoạch hệ thống trạm phát sóng viễn thông:

- Trạm truy nhập vệ tinh đặt tại trung tâm xã (cung cấp các dịch vụ dịch vụ điện thoại cố định, Internet băng thông rộng cố định, truyền hình qua mạng).

- Trạm phát sóng thông tin di động BTS:

Hiện tại trên địa bàn xã đã có 3 trạm phát sóng thông tin di động: Viettel, Vinaphone, mobifone đáp ứng phủ khắp trên địa bàn.

8. Các dự án ưu tiên đầu tư

8.1. Các dự án hạ tầng kỹ thuật

- Dự án Đầu tư hoàn thành hệ thống giao thông đường xã quản lý tổng chiều dài 11km.

- Bê tông hóa hệ thống trục giao thông thôn đạt 100%.

8.2. Các dự án hạ tầng xã hội

- Dự án Khu trung tâm Văn hóa thể thao xã được mở rộng để đảm bảo quy mô tối thiểu diện tích đất để xây dựng các hạng mục công trình : Sân thể thao, nhà thi đấu đa năng, khu vui chơi giải trí...

- Dự án Trạm y tế xã: Hoàn thiện xây dựng trạm y tế xã cùng với việc đầu tư trang thiết bị khuôn viên ... đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của ngành.

- Dự án Hệ thống Giáo dục: Các trường học đều phải được cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp hướng tới đạt chuẩn theo quy định của ngành. Đối với Trường tiểu học 1 và trường mầm non được cải mở rộng khuôn viên để đảm bảo quy mô diện tích theo quy định;

Tài liệu tuyên truyền kèm theo gồm có: *Quyết định Số: 2600 /QĐ-UBND Ngày 27/12/2022; Hệ thống bản đồ quy hoạch tỷ lệ 1/500, được các cấp, các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.*

Trên đây là nội dung cơ bản công khai các chỉ tiêu quy hoạch xã Ngọc Phụng đến năm 2030, UBND xã thông tin công khai để nhân dân biết theo dõi và thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (Đề B/c);
- Phòng TCKH Huyện (Đề B/c);
- Thường trực Đảng Ủy xã (Đề B/c);
- Thường trực HĐND xã(Đề B/c);
- Các tổ chức chính trị - xã hội (Đề tu/tr);
- Trưởng các thôn (Đề tu/tr);
- Công chức Địa chính, CC Văn Hóa (Đề tu/tr);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hà Đình Mạnh

